

Số: 190/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Tiến Phong.

Thư ký phiên họp: Bà Mai Thị Phương Anh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Cao Thị Hồng- Kiểm sát Viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 219/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, gồm những người yêu cầu sau đây:

- **Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1972;** căn cước công dân số 001072001abc do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 07/5/2021; nơi đăng ký hộ và chỗ ở: Số 19/43/129 thôn T, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

- **Bà Bùi Hồng V, sinh năm 1976;** hộ chiếu số C0394bcd do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 20/5/2015; nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: 3-7 Melbourne Road, St Asa Vctoria 3abc Austalia.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn xin công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai ông Nguyễn Đức Đ trình bày: Tôi và bà Bùi Hồng V tìm hiểu, tự nguyện xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn ngày 17/02/1995 tại UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc ở Việt Nam đến năm 2020 thì bà V chuyển sang Úc sinh sống cùng gia đình con gái. Vợ chồng từ đó mỗi người một nơi, mọi liên lạc chủ yếu qua zalo, facebook, dần dần mối quan hệ giữa chúng tôi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào tháng 01 năm 2022, khi tôi qua Úc để thăm vợ con, thì tôi và vợ thường xuyên xảy ra cãi cọ, cả hai không còn hòa hợp và bất đồng sâu sắc. Hiện tại, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn để cả 02 ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, con lớn là Nguyễn Thị NA, sinh ngày 27/6/1996; con thứ hai là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 09/06/2002 và con thứ ba là Nguyễn Vk, sinh ngày 23/6/2020.

Nay 02 con đầu đã trưởng thành nên 02 con ở với ai là quyền của các con. Đối với con thứ 3 là Nguyễn Vk, hiện đang ở với bà V, sau ly hôn chúng tôi tự thỏa thuận, bà V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con thứ 3, còn phần cấp dưỡng do chúng tôi tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Chúng tôi xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung.

Trong đơn xin công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền của bà Bùi Hồng V gửi về được hợp thức hóa tại Tổng lãnh sự quán của Việt Nam tại Xit Ni - Ô- Tô – Rây – Li - A thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn bà Bùi Hồng V thống nhất như ông Đ đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận ở Việt Nam được 25 năm thì tôi sang Úc sinh sống cùng gia đình con gái. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc, quan tâm đến nhau, nhưng sau đó giữa chúng tôi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đỉnh điểm là khi ông Đ sang Úc ở cùng tôi vào tháng 01/2022, giữa vợ chồng thường xuyên cãi cọ; chúng tôi ít nói chuyện và ngủ riêng từ đó đến nay. Hiện cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án công nhận cho chúng tôi được thuận tình ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung đúng như ông Đ trình bày. Ly hôn tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con út – cháu Nguyễn Vk và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

Tại phiên họp:

Có mặt ông Nguyễn Đức Đ, vắng mặt bà Bùi Hồng V. Bà V có đơn xin vắng mặt vì hiện nay bà đang ở Úc do tình hình dịch bệnh và lý do công việc nên không về Việt Nam được. Bà có ủy quyền cho mẹ đẻ của bà là bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; địa chỉ tại Thôn T, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội, thay bà nộp hồ sơ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, Tòa án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân của ông Nguyễn Đức Đ và bà Bùi Hồng V có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được pháp luật bảo vệ. Ông bà có 03 con chung, trong đó có 02 con là Nguyễn Thị NA và Nguyễn Ngọc K đã trưởng thành; nên không xem xét. Khi ly hôn hai bên thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Vk cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà V không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và vay nợ chung ông, bà cùng thống nhất xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Nay ông bà cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa và mong muốn chấm dứt hôn nhân; xét thấy sự thuận tình ly hôn và các thỏa thuận về con chung, tài sản chung, nợ chung của hai bên đương sự là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, do vậy đề nghị Tòa án chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ông Nguyễn Đức Đ và bà Bùi Hồng V có đơn đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Bà Bùi Hồng V hiện nay đang sinh sống tại Úc nên theo quy định tại Điều 29, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] **Về nội dung:** Hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức Đ và bà Bùi Hồng V do cả 02 cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/02/1995 tại UBND xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam nên được pháp luật bảo vệ. Sau kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc tại Việt Nam được 25 năm. Năm 2020 bà V sang Úc sinh sống cùng gia đình con gái nên hai bên đã có những quan điểm sống khác nhau về mặt tư tưởng do vậy vợ chồng đã nảy sinh ra nhiều mâu thuẫn. Đến nay, cả 02 ông bà cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được chấm dứt hôn nhân để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, hôn nhân của ông Đ và bà V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của 02 ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận.

[3] **Về con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị NA, sinh ngày 27/6/1996; Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 09/6/2002 và Nguyễn Vk sinh ngày 23/6/2020.

Đối với chị Nguyễn Thị NA và anh Nguyễn Ngọc K đã trưởng thành (Trên 18 tuổi) nên các anh chị ở với ai là quyền của anh chị, Tòa án không xét. Đối với con chung Nguyễn Vk (Dưới 36 tháng tuổi), ông bà thỏa thuận sau ly hôn bà Bùi Hồng V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) và bà Bùi Hồng V không yêu cầu ông Nguyễn Đức Đ phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, thỏa thuận về con chung, cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Đức Đ và bà Bùi Hồng V là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] **Về tài sản chung:** Ông bà đều thống nhất xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] **Về nợ chung:** Ông bà đều trình bày không có nợ chung.

[6] **Về lệ phí:** Ông Nguyễn Đức Đ tự nguyện chịu cả tiền lệ phí ly hôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 67, Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức Đ và bà Bùi Hồng V.

Ông Nguyễn Đức Đ và bà Bùi Hồng V được chấm dứt hôn nhân.

2. Ghi nhận về sự thỏa thuận khác của các đương sự như sau:

- *Về con chung:* Xác định ông Nguyễn Đức Đ và bà Bùi Hồng V có 03 con chung là chị Nguyễn Thị NA, sinh ngày 27/6/1996; anh Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 09/6/2002 và cháu Nguyễn Vk sinh ngày 23/6/2020.

Đối với chị Nguyễn Thị NA và anh Nguyễn Ngọc K đã trên 18 tuổi, hiện trưởng thành nên các anh chị ở với ai là quyền của anh chị, Tòa án không xét.

Sau ly hôn, bà Bùi Hồng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Vk, sinh ngày 23/6/2020 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Đức Đ đến khi bà V có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Nguyễn Đức Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Ông bà xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- *Về nợ chung:* Cả 02 đương sự đều xác định không có.

- *Về lệ phí:* Ông Nguyễn Đức Đ tự nguyện chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn; số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000974 ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- UBND xã P, huyện G;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Ngô Tiến Phong